

Bản án số: 514/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 13/8/2024

“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Trung Thành.

Bà Nguyễn Thị Thu Sương.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Trân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: không.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 368/2024/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 496/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Phan Thanh V**, sinh năm 1980; nơi cư trú: **tổ G, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang**. *Xin vắng mặt.*

- Bị đơn: Chị **Trần Diễm P**, sinh năm 1977; nơi cư trú: **tổ D, ấp C, xã B, huyện C, tỉnh An Giang**. *Xin vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết nguyên đơn anh **Phan Thanh V** trình bày: Qua tìm hiểu anh và chị **P** tiến tới hôn nhân vào năm 1998, nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không còn hòa hợp, bất đồng quan điểm

sống, tánh tình không phù hợp, thường xuyên cự cãi, nhiều lần hàn gắn nhưng vợ chồng luôn bất hòa không thể giải quyết được. Nhận thấy tình không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh cương quyết ly hôn với chị **P**.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên **Phan Thị Cẩm T**, sinh ngày 06/10/2000; **Phan Thị Yến N**, sinh ngày 10/9/2001 và **Phan Thị Cẩm L**, sinh ngày 05/6/2011. Hiện cháu **Cẩm T** và **Yến N** đã trưởng thành và có khả năng lao động được nên không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu **Cẩm L** anh đồng ý giao cho chị **P** tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị **Trần Diễm P** trình bày: Chị và anh **V** tiến tới hôn nhân vào năm 1998, nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không còn hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, tánh tình không phù hợp, thường xuyên cự cãi, nhiều lần hàn gắn nhưng vợ chồng luôn bất hòa không thể giải quyết được. Nhận thấy tình không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên **Phan Thị Cẩm T**, sinh ngày 06/10/2000; **Phan Thị Yến N**, sinh ngày 10/9/2001 và **Phan Thị Cẩm L**, sinh ngày 05/6/2011. Hiện cháu **Cẩm T** và **Yến N** đã trưởng thành và có khả năng lao động được nên không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu **Cẩm L** chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh **V** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Anh **Phan Thanh V** và chị **Trần Diễm P** có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Chị **Trần Diễm P** có nơi cư trú: **tổ D, ấp C, xã B, huyện C, tỉnh An Giang**. Anh **V** khởi kiện xin ly hôn, Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Anh **V** và chị **P** chung sống năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình giải quyết vụ án anh chị cho rằng vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc, nay không còn tình cảm đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét thấy, anh **V** và chị **P** chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1998 và có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký là không đúng với quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh **Phan Thanh V** và chị **Trần Diễm P**.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên **Phan Thị Cẩm T**, sinh ngày 06/10/2000; **Phan Thị Yến N**, sinh ngày 10/9/2001 và **Phan Thị Cẩm L**, sinh ngày 05/6/2011. Hiện cháu **Cẩm T** và **Yến N** đã trưởng thành và có khả năng lao động được không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu **Cẩm L** chị **P** yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh **V** cấp dưỡng nuôi con; anh **V** đồng ý nên HĐXX chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

Anh **Phan Thanh V** phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật; chị **P** không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 244, Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 51; khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh **Phan Thanh V** và chị **Trần Diễm P**.

Về con chung: Cháu **Phan Thị Cẩm T**, sinh ngày 06/10/2000 và **Phan Thị Yến N**, sinh ngày 10/9/2001 đã trưởng thành và có khả năng lao động được nên không xem xét.

Giao con chung tên **Phan Thị Cẩm L**, sinh ngày 05/6/2011 cho chị **Trần Diễm P** được tiếp tục nuôi dưỡng, anh **Phan Thanh V** không phải cấp dưỡng nuôi

con chung.

Chị **Trần Diễm P** cùng với các thành viên trong gia đình không được cản trở anh **V** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Anh **Phan Thanh V** phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005769 ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAT An Giang;
- THA huyện Châu Phú;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Hoàng